



Original Article
Crime Causation

Nguyen Khac Hai*

VNU School of Law, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Received 02 September 2021

Revised 18 September 2020; Accepted 22 September 2021

Abstract: Criminological theories in general based on numerous highly specialized studies focus on environmental surroundings, biological, and sociocultural and psychological factors in crime causation. The diversity of types of crime as well as the multi-dimensional impact of different factors have shown that neither approach alone, nor special emphases within either approach, is capable of offering a comprehensive explanation for all types of crime. However, results of criminological studying contribute to the popular recommendations for crime reduce, improvement of criminal justice system as well as enhancementsocial institutions. This study opens fundamental and comprehensive recognition on crime explanation in society.

Keywords: Crime causation, crime explanation, crime prevention.

*Corresponding author.

E-mail address: haink78@yahoo.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4386>

Nguyên nhân của tội phạm

Nguyễn Khắc Hải*

Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 02 tháng 9 năm 2021

Chỉnh sửa ngày 18 tháng 9 năm 2021; Chấp nhận đăng ngày 22 tháng 9 năm 2021

Tóm tắt: Các học thuyết tội phạm học dựa trên nhiều nghiên cứu chuyên sâu tập trung vào các yếu tố môi trường sống, sinh học, văn hóa xã hội và tâm lý để lý giải về nguyên nhân tội phạm. Sự đa dạng của các loại tội phạm cũng như sự tác động đa chiều của các yếu tố khác nhau đã cho thấy không có cách tiếp cận đơn lẻ hay đặc biệt nhấn mạnh nào có thể giải thích toàn diện cho tất cả các loại tội phạm. Tuy nhiên, mỗi kết quả nghiên cứu tội phạm học đều có giá trị nhất định cho các khuyến nghị về giảm thiểu tội phạm, cải thiện hệ thống tư pháp hình sự cũng như tăng cường các thiết chế xã hội. Nghiên cứu này mở ra hướng tiếp cận cơ bản và tổng quát về giải thích hiện tượng tội phạm trong xã hội.

Từ khóa: Nguyên nhân của tội phạm, lý giải về tội phạm, phòng ngừa tội phạm.

1. Khái niệm nguyên nhân của tội phạm

Nguyên nhân của tội phạm là vấn đề trung tâm của tội phạm học. Đây là vấn đề nhận được sự quan tâm không chỉ của các nhà nghiên cứu pháp lý mà còn của các nhà nghiên cứu thuộc các lĩnh vực khác như triết học, chính trị học, dân tộc học, xã hội học, tâm lý học, y học. Khi xem xét về nguyên nhân của tội phạm, một loạt câu hỏi có mối liên hệ với nhau được đặt ra cần giải quyết như tại sao con người thực hiện tội phạm, nhân thân người phạm tội và môi trường xung quanh có vai trò thế nào. Nếu việc thực hiện tội phạm phụ thuộc vào nhân thân người phạm tội thì tại sao con người lại thực hiện tội phạm ở những điều kiện khác nhau như độ tuổi, nền giáo dục và môi trường nuôi dưỡng, tính khí, lối sống. Ngược lại, nếu việc thực hiện tội phạm không phụ thuộc vào nhân thân mà phụ thuộc hoàn cảnh, môi trường thì tại sao con người lớn lên trong một gia đình, một hoàn cảnh lại có thể có những xử sự khác nhau. Một bộ phim liệu có thể

làm gia tăng tội phạm không nếu như cả triệu người xem có thể không ai phạm tội nhưng ai đó phạm tội lại có thể không xem phim. Phải chăng chúng ta nên đánh giá được cách thức đón nhận bộ phim của khán giả chứ không chỉ nhìn vào nội dung bộ phim!

Đi sâu và phát triển tiếp vấn đề có thể tiếp tục đưa ra những câu hỏi như liệu yếu tố di truyền có ảnh hưởng đến việc thực hiện tội phạm hay không? Nếu có thì người xử sự trái pháp luật có lỗi không? Nếu như không kể thừa yếu tố bẩm sinh thì những yếu tố nào của môi trường bên ngoài đưa con người đến xử sự phạm tội? Liệu tội phạm có phải vĩnh cửu? Có thể phòng ngừa được tội phạm và cải tạo được người phạm tội không?

Mối quan hệ nhân quả là quan hệ tồn tại khách quan, phụ thuộc vào hai hay nhiều hiện tượng, trong đó một trong số chúng (nguyên nhân) sinh ra cái kia (kết quả). Mối quan hệ nhân quả - không phải là sự tương tượng của của

*Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: haink78@yahoo.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4386>

chúng ta mà là quy luật tồn tại hiện thực của tự nhiên và xã hội.

Trong đời sống xã hội, những mối quan hệ nhân quả chứa đựng những đặc thù nhất định. Xã hội - đó là hệ thống thay đổi về mặt lịch sử và bởi vậy sự giải thích về nguyên nhân, đúng đối với quãng thời gian này, nhưng lại sai với quãng thời gian khác. Hơn thế nữa, trong xã hội thông qua mối quan hệ nhân quả chuyên hóa không phải thành năng lượng hay vật chất, như trong tự nhiên không sự sống, mà chủ yếu là thành thông tin. Những mối quan hệ nhân quả ở đây luôn luôn thông qua nhận thức của con người, cho nên tiếp cận chúng rất phức tạp, đôi khi bị sai lệch hoặc chuyển đổi. Cũng cần lưu ý rằng trong hoạt động và đời sống xã hội có mối quan hệ qua lại mạnh mẽ, ví dụ tác động của hậu quả đối với nguyên nhân của chính nó. Tất cả những đặc thù của mối quan hệ nhân quả trong xã hội và tất nhiên là làm trầm trọng vấn đề.

Mỗi yếu tố môi trường, xã hội hóa, thể chất, và tâm lí đóng góp một cách độc lập để định hình và chỉ đạo các mẫu hành vi nói chung và mẫu hành vi phạm tội nói riêng. Thiếu hụt trong các lĩnh vực phát triển con người này làm tăng nguy cơ phạm tội. Những người có nguy cơ phạm tội có thể chống lại hành vi phản xã hội nêu những đặc điểm và điều kiện này được củng cố.

Nguyên nhân của tội phạm là tổng thể những hiện tượng tiêu cực của đời sống xã hội kết hợp với những yếu tố tâm lí, những yếu tố sinh học và những tình huống theo cơ chế biện chứng nhất định làm phát sinh ra tội phạm, hỗ trợ, thúc đẩy hay kìm hãm sự tồn tại và phát triển của nó.

Những mâu thuẫn xã hội luôn tồn tại và như vậy thì tội phạm sẽ song hành cùng với xã hội loài người. Nhưng đấu tranh phòng, chống tội phạm là có thể và cần thiết, cũng như chúng ta chống lại bệnh tật, nhận thức được nguồn gốc xuất hiện khách quan và không thể loại trừ được hoàn toàn.

Sự giải thích về nguyên nhân của tội phạm càng về sau này càng phát triển cùng với sự ra đời của các học thuyết dẫn đến mở rộng danh sách các yếu tố phát sinh nguyên nhân của tội phạm. Tuy nhiên cần phải có phân loại lại những yếu tố "chính" và những yếu tố "phụ" và minh

chúng được mức độ ảnh hưởng của những yếu tố quan trọng đến việc phát sinh tội phạm. Thêm vào đó, những yếu tố này cần phải tác động qua lại biện chứng với nhau và với các yếu tố khác theo một cơ chế nào để phát sinh tội phạm. Do đó chúng ta cần cơ chế của hành vi phạm tội để biết sự vận hành, tác động qua lại lẫn nhau theo cách thức nào thì tội phạm sẽ phát sinh được ở mức độ cá nhân (tâm lí). Những yếu tố có tầm ảnh hưởng lớn đến việc phát sinh tội phạm có thể kể đến là những các yếu tố sinh học (quá trình hủy hoại não, tổn thương não, rối loạn động kinh, rối loạn nội tiết,...), các yếu tố tâm lí, các yếu tố xã hội (quan hệ kinh tế, quan hệ xã hội, lợi ích chính trị, đạo đức xã hội,...).

Nguyên nhân của tội phạm còn một dạng đặc biệt nữa là hình thức tự phát sinh của tội phạm, tức là bản thân nó tạo ra các hành vi chống đối xã hội mới thông qua một quá trình tự phát sinh tội phạm. Bốn hình thức điển hình của các hình thức biểu hiện của quá trình tự xác định này sẽ được phân tích dưới đây [1].

Hình thức tự phát sinh tội phạm thứ nhất là việc thực hiện tội phạm thành công và không bị phát hiện thường làm phát sinh ra tội phạm khác. Ví dụ trộm cắp lần đầu không bị phát hiện thì dễ dẫn đến việc trộm cắp lần tiếp theo, hoặc vận chuyển ma túy thành công thì sẽ rất có thể chuyển sang buôn bán ma túy. Việc thực hiện tội phạm khác sau thực hiện thành công một tội phạm hoặc lặp lại việc phạm tội đó nhiều lần.

Hình thức tự phát sinh tội phạm thứ hai là tội phạm được thực hiện phát sinh do nhu cầu (che giấu...) hay sự kích thích bởi tội phạm khác. Ví dụ làm giấy tờ giả để tiêu thụ xe do trộm cắp, giết người sau khi hiếp dâm để che giấu tội phạm. Nhiều trường hợp việc tiêu thụ đồ ăn cắp như gương ô tô hay xe máy tràn lan sẽ kích thích trộm cắp. Như vậy tình trạng tội phạm này làm phát sinh tội phạm khác sẽ tạo ra bối cảnh tội phạm tiềm ẩn.

Hình thức tự phát sinh tội phạm thứ ba là những loại tội phạm có tổ chức. Tính có tổ chức của những loại tội phạm này sẽ dẫn đến quá trình tự làm phát sinh ra nhiều tội phạm khác nhau. Trong xã hội hiện đại khi mà các công cụ pháp luật đã trở nên sắc bén trong phòng, chống tội

phạm và nhiều loại tội phạm xuyên quốc gia đòi hỏi phải có sự tổ chức chặt chẽ, chuyên nghiệp thì mới thực hiện hiệu quả và xuyên thủng được hệ thống phòng thủ của các quốc gia thì việc thực hiện thành công một tội phạm “chính” cần có thêm một hoặc một số tội phạm “phụ” cần được thực hiện. Ví dụ để thực hiện được buôn lậu ô tô qua biên giới thì nhóm tội phạm có tổ chức phải làm giấy tờ giả, hối lộ các viên chức hải quan. Thậm chí ngay cả việc thành lập ra các nhóm tội phạm có tổ chức đã là tội phạm theo pháp luật của rất nhiều quốc gia.

Hình thức tự phát sinh tội phạm thứ tư thể hiện qua tâm lý của cộng đồng xã hội. Hiện tượng tâm lý này phần nào bị tác động bởi truyền thông khi mà những hành vi phạm tội xuất hiện đầy rẫy trên các phương tiện thông tin đại chúng hàng ngày khiến cho tội phạm trở nên quen thuộc với người dân, sự phản ứng của họ với tội phạm trở nên thiếu quyết liệt. Ngoài ra nếu như với một tỉ lệ tội phạm cao mà nhiều trường hợp không bị xử lý, trừng phạt hoặc xử lý qua loa không nghiêm khắc sẽ dẫn đến một trạng thái tâm lý coi thường pháp luật, thiếu niềm tin vào hệ thống tư pháp. Những hành vi của người dân trong bối cảnh này sẽ dễ dẫn đến phạm tội. Chính bối cảnh phạm tội tràn lan tự làm phát sinh thêm ngày càng nhiều tội phạm.

Điều kiện của tội phạm và mối quan hệ biện chứng với nguyên nhân

Trong phạm vi nguyên nhân của tội phạm, có những hiện tượng của đời sống xã hội tạo ra tội phạm, có những hiện tượng chỉ hỗ trợ sự tồn tại của nó, gây ra sự gia tăng hoặc suy giảm của nó. Như vậy ngoài các nguyên nhân của tội phạm, cũng có khái niệm về các điều kiện góp phần tạo ra tội phạm, bao gồm các yếu tố tự nhiên, xã hội hoặc kỹ thuật. Bản thân, những điều kiện này không tạo ra tội phạm, nhưng giúp cho việc thực hiện thuận lợi. Đồng thời, điều kiện và nguyên nhân đôi khi có thể thay đổi vị trí; hiện tượng tương tự (ví dụ như quản lý kém) có thể gây ra một số trường hợp, trong khi ở một số khác nó chỉ có thể đóng vai trò thúc đẩy, tác động. Nguyên nhân của tội phạm và các điều kiện hỗ trợ hợp lại thành thuật ngữ chung là tính quyết định của tội phạm. Sự phụ thuộc khách quan của

nguyên nhân được quy định bởi các hiện tượng khác của tự nhiên và xã hội.

Các tình huống góp phần vào việc đạt được kết quả phạm tội có thể được hình thành từ trước và từ hoạt động của những người khác nhau. Nhiều tội phạm, đặc biệt là những tội liên quan đến phá hoại và làm hủy hoại tài sản, chỉ có thể được thực hiện trong một số điều kiện vật chất nhất định. Ví dụ như sửa chữa hàn lại biển quảng cáo bị hỏng của quán hát karaoke trong khi quán đang có đông người hát. Tia lửa bắn vào làm cháy quán và chết nhiều người do quán không xây theo đúng thiết kế về lối thoát hiểm và phương án phòng cháy chữa cháy. Như vậy rõ ràng là trong hoàn cảnh khác nếu như quán karaoke được xây dựng theo đúng thiết kế và tuân thủ các yêu cầu phòng, chữa cháy thì đã không xảy ra sự cố như vậy. Thay đổi điều kiện vật chất là một trong những phương pháp kỹ thuật có thể sử dụng để ngăn ngừa tội phạm. Trong trường hợp này, các biện pháp xã hội, kỹ thuật, pháp lý và các giải pháp khác, được thực hiện để thay đổi các điều kiện vật chất, hoặc ít nhất là để giảm thiểu tác động tiêu cực của chúng.

Các đặc tính pháp lý của hành động của những người góp phần vào việc đạt kết quả của tội phạm có thể khác nhau. Trong một số trường hợp, những người đồng phạm tạo ra các điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện tội phạm.

Khi có đủ điều kiện cần thiết thì có thể tạo ra kết quả phạm tội. Rõ ràng, một tình huống như vậy từ góc độ tội phạm học là rất không thuận lợi và đòi hỏi sự can thiệp ngay lập tức. Sự có mặt của các điều kiện đầy đủ có nghĩa là tội phạm có thể không bị cản trở và có thể được thực hiện bất cứ lúc nào. Với tình hình như vậy, chỉ có thể ngăn chặn được tội phạm bằng cách loại trừ ngay lập tức một số điều kiện đủ (hoặc bắt giữ một người có ý định phạm tội).

Tuy nhiên, khó khăn nằm ở thực tế là các điều kiện tiêu cực có thể hoán đổi cho nhau. Ví dụ, nếu một công việc kiểm toán yếu góp phần vào việc trộm cắp trong nhà máy, những khiếm khuyết này sẽ được loại bỏ, điều kiện cho việc trộm cắp có thể được tái lập do cách lựa chọn không đúng nhân sự bảo vệ. Do đó, trên thực tế

trong công tác phòng ngừa, cần chú ý không chỉ đến loại bỏ các điều kiện hiện tại, mà còn để loại bỏ những thiếu sót khác mà sau này có thể được sử dụng bởi những người có ý định phạm tội. Nếu không, ngay cả khi công tác phòng ngừa tích cực và liên tục được thực hiện trong một khuôn khổ hẹp sẽ không theo kịp với các hình thức thay đổi của hoạt động phạm tội.

Trong một số nghiên cứu cho rằng có thể được nhìn thấy một sự phân biệt rõ ràng và phổ quát của các yếu tố nguyên nhân của tội phạm và các yếu tố với tư cách là điều kiện góp phần vào nó. Điều này giả định sự hiểu biết về các nguyên nhân và các điều kiện hoàn toàn có thể xác định được với tư cách là một hiện tượng. Ví dụ mô tả nguyên nhân phạm tội của trẻ vị thành niên (một tác động tiêu cực trong gia đình, trong khu vực sống, với sự kích động, cổ vũ một phần của người phạm tội thành niên) và điều kiện (bị bỏ bê như việc thiếu kiểm soát thích hợp của gia đình, những thiếu sót của công tác giáo dục v.v.). Trên thực tế, việc đánh giá các hiện tượng nhất định như nguyên nhân và các điều kiện khác là chỉ là tương đối. Một hiện tượng cụ thể trong một số tương tác có thể đóng vai trò của một nguyên nhân, ở những người khác - điều kiện.

Có những hoàn cảnh rất tiêu cực, bất lợi nhưng cũng khó để kết luận đó là nguyên nhân của tội phạm bởi những hoàn cảnh này khi tác động với các loại nhân thân khác nhau có thể dẫn đến những kết quả ngược nhau. Tuy nhiên, có thể chỉ ra những hoàn cảnh mà trong đó nhiều người có xu hướng phạm tội thường xuyên hơn. Những hoàn cảnh như vậy gọi là hoàn cảnh tiềm ẩn nguy cơ phạm tội, nghĩa là chúng mang theo trong mình khả năng phạm tội. Hạn chế các hoàn cảnh tiềm ẩn nguy cơ phạm tội là những trường hợp gây khó khăn cho tội phạm, kích thích hành vi hợp pháp. Tuy nhiên, việc đánh giá các hoàn cảnh nào là hoàn cảnh tiềm ẩn nguy cơ phạm tội hoặc chống nguy cơ tiềm ẩn luôn luôn là tương đối. Ví dụ thất nghiệp được coi là hoàn cảnh thường gắn với tội phạm hơn có việc làm vì vậy việc làm đầy đủ dường như là yếu tố chống tội phạm. Nhưng nếu nó kết hợp với yếu tố thực tế là nhân viên cầu thủ không đánh giá cao vị trí của mình và trong điều kiện thiếu hụt nhân viên và

quản trị doanh nghiệp kém hiệu quả, sẽ có thể dẫn đến thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng hay tham ô hoặc tội phạm vô ý, tội phạm kinh tế. Lí do là nó tương tác với các điều kiện.

Không có hành vi phạm tội thì cũng không có nguyên nhân của nó. Có những trường hợp đang trong hoàn cảnh khuyến khích vi phạm pháp luật nhưng việc thực hiện là gần như không thể, ví dụ như tìm cách giết thăm phán đã tuyên án mình để trả thù nhưng lại đang trong trại giam. Nói cách khác, cho dù yếu tố cá nhân - tình huống hay tính chất của một người - tiêu cực như thế nào, thì nó vẫn chưa được đánh giá là nguyên nhân của hành vi phạm tội. Chỉ có một khả năng chính thức của một tội phạm, đó là, trong đó, với xác suất bằng nhau, nó có thể xảy ra, hoặc nó có thể không xảy ra.

2. Phân loại nguyên nhân của tội phạm

Những yếu tố làm phát sinh những tội phạm khác nhau trong cuộc sống rất nhiều. Khi nghiên cứu nguồn gốc, xuất xứ của những hiện tượng xã hội, trong đó có tội phạm, chúng ta thực sự động chạm tới rất nhiều nguyên nhân (và rất nhiều kết quả). Chính vì vậy mà tất cả những nguyên nhân cần phải được phân loại theo một hệ thống nhất định.

Căn cứ theo cái chung và cái riêng thì nguyên nhân của tội phạm có thể được phân ra thành:

- i) Những nguyên nhân của tội phạm với tính chất là hiện tượng xã hội nói chung
- ii) Những nguyên nhân của từng nhóm tội phạm có cùng tính chất (tội phạm vụ lợi, tội phạm tình dục, tội phạm vũ lực...)
- iii) Những nguyên nhân của một tội phạm cụ thể (tội cướp tài sản, tội hiếp dâm, tội cố ý gây thương tích...)

Theo bản chất của sự xuất hiện thì có thể phân nguyên nhân của tội phạm thành:

- i) Khách quan (những mâu thuẫn trong trong đời sống xã hội, trong các mối quan hệ kinh tế và xã hội)
- ii) Chủ quan (trên cơ sở những yếu tố tâm lí xã hội, những yếu tố nhận thức pháp luật, mục đích, động cơ, chuẩn mực giá trị)

Căn cứ theo nhóm các yếu tố có cùng tính chất thì có thể phân nguyên nhân của tội phạm thành ba nhóm là:

- i) Những yếu tố sinh học;
- ii) Những yếu tố tâm lí;
- iii) Những yếu tố xã hội.

Căn cứ vào mức độ (phạm vi) thì có thể phân nguyên nhân của tội phạm thành ba loại: a) mức độ cá nhân - tâm lí, b) mức độ cộng đồng - xã hội và c) mức độ đa cộng đồng - quy luật.

Mức độ cá nhân - mức độ tâm lí. Ở mức độ này chúng ta nghiên cứu những nguyên nhân tâm lí của việc thực hiện tội phạm bởi những con người cụ thể. Cụ thể hơn là chúng ta nghiên cứu về cơ chế của hành vi phạm tội. Từ việc phân tích cơ chế này sẽ làm sáng tỏ những nguyên nhân chung của xử sự phạm tội ở mức độ cá nhân chính là sự xã hội hóa không đầy đủ nhân thân, ví dụ như sự lĩnh hội chưa đầy đủ những chuẩn mực của đời sống xã hội, sự thích nghi kém với điều kiện xung quanh.

Mức độ cộng đồng - xã hội. Mức độ này cho phép tiếp cận những thiếu sót trong việc xã hội hóa làm cho nhân thân không thích nghi được? Ở đây chúng ta nâng lên mức thứ hai, cao và trừu tượng hơn, đó là mức độ xã hội. Mức độ này xem xét những tệ nạn và những bất cập trong hệ thống xã hội, ví dụ như những hiện tượng xã hội, kinh tế, chính trị và đạo đức, nghệ thuật, tôn giáo,... làm phát sinh tội phạm, liên hệ với nhau, chế ước (quy định) lẫn nhau. Những hiện tượng này tác động tới việc hình thành nhân thân người phạm tội trong tương lai, tác động tới sự hình thành động cơ của hành vi, cũng như việc hiện thực hóa những ý định đó.

Mức độ đa cộng đồng - quy luật. Chúng ta sẽ trả lời được những câu hỏi về nguyên nhân của những hiện tượng tiêu cực trong các xã hội nói chung. Những nguyên nhân chung nhất của tội phạm tại bất kỳ xã hội nào cho thấy những mâu thuẫn xã hội tồn tại một cách khách quan. Hiển nhiên là những mâu thuẫn này không giống nhau (đồng nhất) tại các hình thái kinh tế xã hội khác nhau. Tại các nước xã hội chủ nghĩa: mâu thuẫn giữa những nhu cầu cuộc sống cụ thể của con người với khả năng, xuất phát từ hệ thống hành chính - mệnh lệnh. Tại các nước tư bản: mâu

thuẫn chính là giữa đặc trưng xã hội của sự sản xuất và tư hữu kết quả lao động [2].

3. Các yếu tố sinh học, tâm lí, xã hội trong lí giải nguyên nhân của tội phạm

3.1. Các yếu tố sinh học

Các yếu tố sinh học có vai trò trong quá trình phát triển của toàn bộ hành vi của con người. Tuy nhiên, như tất cả các yếu tố liên quan trong việc xác định hành vi, chúng không vận động đơn lẻ mà mỗi yếu tố tương tác với rất nhiều yếu tố sinh học cũng như các yếu tố phi sinh học trong một chuỗi quan hệ nhân quả phức tạp. Các yếu tố sinh học tương tác với các yếu tố phi sinh học. Những kích thích xuất hiện được điều chỉnh và hồi đáp dựa trên một sự tương tác giữa các cá nhân với môi trường của mình. Do đó, mỗi người chúng ta nhận thức và phản ứng với thế giới theo một cách riêng biệt, mỗi người có một sự kết hợp khác nhau của các yếu tố quyết định đến hành vi của người đó.

Tầm quan trọng của các yếu tố sinh học trong việc xác định hành vi khác nhau rất nhiều. Ví dụ trong hội chứng của bệnh Down, sự bất thường nhiễm sắc thể dẫn đến nhiều triệu chứng - hạn chế sự phát triển trí tuệ và cơ thể (vóc dáng), tim mạch dị dạng - đặc trưng cho các rối loạn. Xem xét một ví dụ thứ hai, trong đó một rối loạn nội tiết phần nào tạo ra hành vi của một người mười lăm tuổi phát triển một người máy để làm sạch nhà để xe. Do tuyến giáp thấp cấp, cậu bé phản ứng chậm. Là một cậu bé nhỏ nhắn, cậu ta nhận ra rằng cậu là một vận động viên kém năng lực, vì vậy cậu đã dành phần lớn thời gian đọc và tìm hiểu các thiết bị điện một mình. Trong ví dụ đầu tiên, sự biến đổi sinh học là một yếu tố quyết định quan trọng, nhưng trong ví dụ thứ hai thì các yếu tố sinh học có vai trò nhất định, nhưng không nhiều. Thậm chí cả trong ví dụ đầu tiên, các yếu tố khác đóng một vai trò quan trọng. Tùy thuộc vào kinh nghiệm học được của cá nhân với hội chứng bệnh Down, anh ta hoặc cô ta có thể dành cả đời trong một cơ sở giáo dục được chăm sóc bởi người khác hoặc sống một mình trong một căn hộ. Trong ví dụ thứ hai, các yếu tố quyết

định kỹ năng của cậu bé bao gồm ảnh hưởng của anh trai, người đã nghiên cứu kỹ thuật điện và sự hiện diện của các tạp chí điện tử, cũng như thiết bị cũ mà người anh để lại xung quanh. Tóm lại, yếu tố sinh học đóng một vai trò nhất định trong việc xác định tất cả các hành vi của con người. Các yếu tố này tương tác với nhau và với các yếu tố phi sinh học. Tầm quan trọng của chúng khác nhau ra sao tùy thuộc vào hành vi nào được đề cập đến.

Vai trò của các yếu tố sinh học trong quá trình phát triển hành vi của con người vẫn chưa được hiểu rõ. Do đó, kiến thức hạn chế của chúng ta về những yếu tố sinh học liên quan đến sự tiến triển của hành vi phạm tội của chúng ta không phải là đáng ngạc nhiên. Các yếu tố sinh học tương tác với nhau và với các yếu tố phi sinh học khác trong chuỗi nhân quả phức tạp để định hình hành vi. Nhiều khả năng nó là yếu tố quyết định có thể được xác định. Nhiều hành vi khác nhau được xác định là tội phạm; mỗi người có một sự kết hợp khác nhau của các yếu tố quyết định đến hành vi của người đó. Nghiên cứu các yếu tố sinh học có liên quan trong việc xác định những hành vi này mà không lưu ý tới giải thích các đặc trưng của xã hội trong đó có thể làm thay đổi tầm quan trọng của các yếu tố sinh học.

Các trạng thái sinh học - tình trạng hoạt động của các yếu tố sinh học trong một thời điểm nhất định - và các yếu tố trong một số ít trường hợp trực tiếp liên quan được coi là các nguyên nhân của các hành vi được cho là tội phạm. Tuy nhiên, trong hầu hết các trường hợp, các yếu tố sinh học đóng vai trò gián tiếp trong việc xác định các hành vi như vậy, và chúng tương tác với rất nhiều yếu tố khác. Nghiên cứu theo chiều dọc của các nhóm thống kê không lựa chọn thời điểm sinh từ lúc nhỏ cho đến cuối tuổi trưởng thành đang bắt đầu cung cấp tài liệu vô giá về những con đường dẫn đến tội phạm. Các kết quả từ những nghiên cứu này là đáng tin cậy: các yếu tố được đo trước khi tội phạm bắt đầu; các yếu tố cả bên trong và bên ngoài đối tượng được kiểm tra cùng một lúc. Các điều tra đang cung cấp một sự hiểu biết về sự tương tác phức tạp của các yếu tố xác định hành vi phạm tội. Thông tin đó cần thiết cho sự

phát triển các chương trình phòng chống tội phạm có chất lượng cao [3].

3.2. Các yếu tố tâm lý

Những yếu tố tâm lý trong các thuyết về tâm lý chủ yếu liên quan đến giải thích hành vi ở mức độ của cá nhân. Các thuyết về nhân cách (nhân thân) hoặc thuyết về học tập xã hội được tạo ra để giải thích hành vi của một cá nhân trong một tình huống cụ thể. Các nhà tâm lý học thường sử dụng mô hình này khi họ cố gắng hiểu, giải thích và dự đoán hành vi phạm tội, mặc dù có những tranh cãi đáng kể về cách sử dụng phương pháp này. Gần như tất cả các nghiên cứu có thể được mô tả như một phản ánh của một trong hai giả định giá trị. Thứ nhất là "giả định về sự thiếu hụt của người phạm tội", khẳng định rằng các thuyết và sự can thiệp được đặt nền tảng trên quan niệm rằng có một điều gì đó trái với tâm lý đối với người phạm tội. Thứ hai là "giả định về các đặc điểm phân biệt", cho thấy những người phạm tội khác với những người không phạm tội, đặc biệt là tình trạng như bốc đồng và gây hấn, thù hận. Nghiên cứu dựa trên giả định này bao gồm nhiều nghiên cứu về các nhóm người phạm tội và những người không phạm tội dựa trên việc sử dụng một số trắc nghiệm đánh giá nhân cách nhằm tìm ra các đặc điểm phân biệt giữa hai nhóm.

Nghiên cứu về các điểm thiếu hụt trong tâm lý của người phạm tội hay người có xu hướng phạm tội thì cũng cần chú ý cả những điểm tích cực của họ thì mới có cái nhìn tổng thể và chính xác về mô hình hành vi của nhóm người này. Hầu hết các nghiên cứu và can thiệp tập trung vào sự thiếu hụt thay vì những đặc điểm tích cực của cá nhân. Thêm vào đó, các nghiên cứu tâm lý trong lý giải nguyên nhân của tội phạm cần hướng cả tới tầm quan trọng tiềm ẩn của các yếu tố tình huống và môi trường ảnh hưởng đến hành vi cá nhân [4].

Sự hiểu biết cá nhân cũng như kỷ luật không nhất quán hay sự giám sát yếu kém của cha mẹ có liên quan đến sự lệch lạc trong tương lai của một cá nhân. Trong một gia đình, hạnh phúc và mối quan hệ tốt giữa các thành viên là một yếu

tổ tích cực có tác động làm giảm xử sự phạm tội. Ngược lại, ở những gia đình có mối quan hệ căng thẳng, đổ vỡ thì xuất hiện nguy cơ cao có hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội cần được nhìn nhận là kết quả của một chuỗi các quá trình hình thành nhân nhân cách và các mô hình ứng xử. Động lực để thực hiện các hành vi phạm tội chủ yếu xuất phát từ mong muốn vật chất hoặc nhu cầu phấn khích. Nếu những ham muốn này không thể thỏa mãn theo cách được xã hội chấp nhận, thì hành động bất hợp pháp có thể là một lựa chọn. Động cơ phạm tội sẽ bị ảnh hưởng bởi các yếu tố tâm lý, bao gồm sự học hỏi trong quá khứ và niềm tin của cá nhân, hoặc có thể đã được tiếp nhận một cách vô thức về hành vi phạm tội.

Sẽ là không toàn diện nếu thiếu sự quan tâm đến một vấn đề trọng tâm - cá nhân con người với tư cách là đối tượng của sự tác động. Các yếu tố tâm lý và sự khác biệt cá nhân liên quan đến nhân thân là điều quan trọng hàng đầu trong mối quan hệ với cả nguyên nhân của tội phạm và sự kiểm soát của nó. Tội phạm học với sự tập trung vào những khác biệt cá nhân là yếu tố trung tâm trong nghiên cứu về hành vi phạm tội từ góc độ tâm lý.

Sự phát triển của tâm lý học đã cho thấy các yếu tố tâm lý có vai trò quan trọng trong quá trình hình thành và phát triển hành vi của con người. Thông qua sự ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình phát triển nhân cách của mỗi cá nhân, các yếu tố tâm lý hình thành ở họ các đặc điểm, thuộc tính ổn định và bền vững giúp định hướng nhận thức, cảm xúc, hành vi trong từng tình huống cụ thể [5]. Nên nếu cá nhân phải phải đối diện với các yếu tố tâm lý tiêu cực, không thuận lợi thì họ sẽ tăng khả năng thực hiện các hành vi bất thường, bao gồm cả hành vi phạm tội [6]. Sự tương tác giữa các yếu tố tâm lý (bản năng, nhận thức, hành vi,...) với các yếu tố xã hội (nghèo đói, thất nghiệp,...) và sinh học (di truyền, nội tiết tố,...) [7] là căn cứ quan trọng trong lý giải nguyên nhân tội phạm cũng như đề xuất nhiều giải pháp phòng ngừa tội phạm. Các yếu tố tâm lý có ảnh hưởng trực tiếp đến sự hình thành nhân cách tiêu cực ở người phạm tội thông qua ba nhóm yếu tố là: a) các tiền trình tinh thần, b) hành vi và c) nhân cách. Nhân cách tiêu cực của người phạm

tội có thể tác động đơn lẻ hoặc kết hợp với các yếu tố tình huống dẫn đến thực hiện hành vi phạm tội.

3.3. Các yếu tố xã hội

3.3.1. Cấu trúc xã hội và tội phạm

Tội phạm là kết quả của vị trí cá nhân trong một cấu trúc xã hội. Cách tiếp cận này tập trung vào các điều kiện kinh tế và xã hội của đời sống, bao gồm sự thiếu thốn, sự khác nhau về cơ hội, phân biệt chủng tộc, tình trạng vô tổ chức xã hội, sự thất bại cá nhân, phương thức thay thế để thành công, những giá trị văn hóa nhóm xung đột với những giá trị được thừa nhận chung.

Cách tiếp cận này giải thích tội phạm ở ba nội dung: a) nhấn mạnh yếu tố nhân khẩu học và địa lý của một nhóm người và chỉ ra sự thiếu tổ chức xã hội chính là nguyên nhân chính của hành vi phạm tội và nạn nhân hóa; b) chỉ ra sự thiếu hụt giữa mục tiêu thành công chung của xã hội và phương tiện để đạt được mục tiêu đó. Hậu quả kéo theo là những cá nhân không đạt được thành công bằng các cách hợp pháp sẽ tìm ra phương án khác thay thế, đó là dùng phương thức bất hợp pháp để có được sự thành công trong kinh tế và sự công nhận của xã hội; c) xem xét nguồn gốc của tội phạm trong mối liên hệ với sự xung đột giữa các nhóm xã hội khác nhau về việc hành vi nào có thể được chấp nhận là hành vi phù hợp được chấp nhận [8].

3.3.2. Quá trình xã hội và tội phạm

Tội phạm là kết quả của cả một quá trình xã hội đa dạng, đặc biệt là sự học hỏi và xã hội hóa không phù hợp. Cách tiếp cận này nhấn mạnh vào vai trò của các mối quan hệ giữa các cá nhân, sức mạnh của những ràng buộc xã hội, và các hậu quả của những phản ứng xã hội của cá nhân và của nhóm đối với hành vi lệch chuẩn khi họ tham gia phạm tội. Thuyết quá trình xã hội lý giải về nguyên nhân tội phạm rằng mỗi người có ý định vi phạm pháp luật và tích cách mang xu hướng phạm tội không phải là tính cách bẩm sinh của con người. Theo học thuyết quá trình xã hội, hành vi phạm tội được học theo trong sự tương tác với hành vi khác và quá trình xã hội hóa là

kết quả của nhóm thành viên được xem như là con đường sơ khai thông qua việc học tập. Giữa các nhóm đóng góp cho quá trình xã hội hóa quan trọng nhất là gia đình, những người đồng niên, các nhóm nghề nghiệp, và các nhóm cùng sở thích. Những nhóm đó làm cho các thành viên của mình thấm nhuần những giá trị và chuẩn mực và giao tiếp với những thứ là thể giới quan và các khuôn mẫu của hành vi.

3.3.3. Xung đột xã hội và tội phạm

Xung đột xã hội tạo ra tội phạm. Vậy xung đột xã hội là gì và vì sao có xung đột xã hội? Câu trả lời là xã hội được phân tầng bởi sự xung đột hơn là sự hợp nhất bởi sự đồng thuận. Thêm vào đó, xã hội được tạo bởi các nhóm dựa trên nền tảng của sức mạnh kinh tế và chính trị. Sức mạnh của những nhóm tạo nên luật và luật pháp phản chiếu, bảo vệ những lợi ích của chính họ. Như vậy tội phạm là hậu quả của xung đột giữa những nhóm người này trong xã hội.

Thuyết xung đột mà nền tảng là học thuyết mácxít với ý tưởng chủ đạo được hiểu để lý giải về hiện tượng tội phạm như sau: Tội phạm là một phần của cuộc đấu tranh giai cấp. Hệ thống tư bản nhấn mạnh vào cạnh tranh và sự giàu có là thứ tạo ra một môi trường kinh tế và xã hội mà trong đó tội phạm là điều không thể tránh khỏi.

Thuyết xung đột xã hội nhấn mạnh vào kinh tế, xã hội, chính trị và địa điểm phạm tội được gắn với bối cảnh. Giống như thuyết tiến trình xã hội, phương diện xung đột xã hội tập trung vào sự tương tác giữa các nhóm nhưng quan điểm về sự tương tác này chỉ dựa trên sự xung đột. Những nhóm khác nhau đặt trong xã hội, xác định bởi chính trị, kinh tế hoặc địa vị xã hội và được nhìn nhận trong sự so sánh với các nhóm khác nhau để thúc đẩy lợi ích riêng của họ một cách tốt nhất.

Theo như thuyết xung đột xã hội, tội phạm và hành vi phạm tội chính là kết quả của cuộc tranh cãi này. Sự xung đột giữa các nhóm xã hội góp phần tạo nên tội phạm. Sự tạo ra và áp dụng luật hình sự là sự quyết định ai sẽ trở thành người tội phạm, những nhà tội phạm học xung đột xã hội thấy một số vai trò lớn hơn được lấp đầy bởi một số bộ phận của xã hội mà nắm giữ sức mạnh kinh

tế và chính trị. Một số bộ phận người đó sử dụng luật để kiểm soát những nhóm ít quyền lực và bất mãn trong xã hội, trong khi vẫn giữ sức mạnh vị thế của mình. Khi một vài nhóm đấu tranh giành quyền lực, xung đột xảy ra thúc đẩy tội phạm. Những học giả theo thuyết xung đột xã hội cũng quan ngại về vai trò của chính phủ và nhà nước trong việc tạo ra tội phạm, kể từ khi những hành vi được xem xét là chấp nhận được hay không chấp nhận được được quyết định bởi hình phạt nhà nước thiết kế để tạo nên ranh giới hành vi. Những học thuyết khác nhau tìm ra dưới những góc độ của phương diện xung đột xã hội về nguồn gốc nguyên nhân khác nhau của tội phạm.

Tội phạm học cấp tiến đương thời cho rằng tội phạm bắt nguồn từ những điều kiện xã hội đã trao quyền cho một bộ phận giàu có và có vị thế chính trị nhưng lại tước đi lợi ích của nhóm người kém may mắn hơn. Tội phạm học cấp tiến dựa trên nền tảng học thuyết chính trị Mac-xít cho rằng sự bất bình đẳng trong địa vị xã hội và sức mạnh kinh tế là những thứ đóng góp vào sự biến động của tội phạm. Tội phạm học phê phán được phân biệt với tội phạm học cấp tiến bởi nó tập trung vào phê phán những mối quan hệ giữa các giai cấp trong xã hội, đó là một cái nhìn chung về sự tác động ngược trở lại hơn là phương pháp cấp tiến qua cái nhìn của nhà tội phạm học cấp tiến. Tội phạm học bình quyền nam nữ nhận thấy sự bất bình đẳng tồn tại trong xã hội trong sự phân biệt về giới. Tội phạm học hiện thực cánh tả chuyển sang hướng từ sự giải thích của các nhà chính trị thuộc hệ tư tưởng này về tội phạm và hướng tới việc tranh cãi cái gọi là tội phạm “thực sự”. Cuối cùng, các nhà tội phạm học theo chủ nghĩa hòa giải tán thành rằng việc giảm tội phạm là do việc hợp tác giữa sự nỗ lực của cơ quan tư pháp và công dân mà họ phục vụ. Họ cho rằng tác dụng kiểm soát tội phạm và công dân phải gắn với nhau làm giảm bớt các vấn đề xã hội bao gồm cả tội phạm.

4. Kết luận

Việc nghiên cứu nguyên nhân của tội phạm từ nhiều góc độ, đa khía cạnh, kết nối các lĩnh

vực tâm lý, xã hội, sinh học nhằm lý giải hiện tượng phức tạp này là hướng đi cần thiết trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập, tính phi truyền thống của an ninh, sự phát triển nhanh chóng của công nghệ, tính đa xung đột của các nhóm người. Kết quả của nghiên cứu giúp mở rộng các hiểu biết về nguyên nhân của tội phạm nhằm đa dạng hóa cũng như tăng cường tính hiệu quả các chiến lược phòng ngừa hiện tượng nguy hiểm này. Những chiến lược phòng ngừa tội phạm đã được nhiều quốc gia phát triển thành công như: i) chiến lược nuôi dưỡng (có gắng ngăn chặn sự phát triển của tội phạm bằng cách cải thiện kinh nghiệm sống từ sớm và hướng vào sự phát triển của trẻ vị thành niên), ii) chiến lược bảo vệ/phòng tránh (có gắng giảm bớt các cơ hội tội phạm bằng cách thay đổi các hoạt động thường lệ của mọi người, tăng cường sự giám hộ, hoặc làm mất khả năng phạm tội), iii) chiến lược ngăn chặn (nỗ lực loại bỏ động cơ phạm tội bằng việc tăng cường phát hiện và trừng phạt mạnh mẽ, kịp thời). Hệ thống chủ thể và thiết chế phòng ngừa cũng được phát triển để tối ưu hóa các chiến lược. Ngoài các chủ thể truyền thống như gia đình, nhà trường, hệ thống tư pháp hình sự thì còn thêm các thiết chế chăm sóc y tế tâm lý và tâm thần hay thị trường lao động. Mở rộng hiểu biết về nguyên nhân của tội phạm còn giúp xác định rõ hơn đối tượng của phòng ngừa tội phạm không chỉ là hành vi phạm tội mà còn cả những yếu tố ảnh hưởng đến việc ra quyết định phạm tội, sự sợ hãi tội phạm và sự hỗn loạn mất ổn định. Nguyên nhân của tội phạm cũng giúp xác

định rõ các đặc điểm, nội dung của phòng ngừa tội phạm như nhận diện và đánh giá về khả năng phạm tội, bao hàm những nỗ lực của chính phủ cũng như các thành phần phi chính phủ, có thể xuất phát từ "sáng kiến của cá nhân hay nhóm cá nhân", can thiệp hiệu quả vào cơ chế của hành vi phạm, hướng tới không phải "mục đích" mà bởi "kết quả", không nên lấy trên hình phạt để làm tôn chỉ cho hoạt động phòng ngừa.

Tài liệu tham khảo

- [1] В. Н Кудряцева., и ЭминоваВ. Е. Причины преступности в России: Криминологический анализ. - М.: Норма, 2006, 106-108.
- [2] Криминология: Учебник / Под ред. В Н Кудряцева и В Е Эминова - 3-у изд., перераб. и доп - М.: Юристъ 2005, 126-127.
- [3] N. K. Hai, Các yếu tố sinh học trong lý giải về nguyên nhân của tội phạm, Tạp chí Khoa học: Luật học, số 4, 2019.
- [4] T. T. Việt, N. K. Hải, Giáo trình tội phạm học. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. 2020.
- [5] D. P. Schultz, S. E. Schultz, Theories of Personality, tenth edition, Wadsworth, 2013.
- [6] C. R. Hollin, Psychology and Crime - An Introduction to Criminal Psychology, London, 1989.
- [7] S. N. Doan, N. Dich, G. W. Evans, Childhood cumulative risk and later allostatic load: Mediating role of substance abuse. Health Psychology 2014.
- [8] F. Schmallegger. Canadian Criminology Today: Theories and Applications. Rebecca Volk. Second Edition. Pearson Education Canada Inc, Toronto, Ontario. pp.221-223.